

Bản án số: **08/2018/DS-ST**

Ngày: 26-02-2018

“V/v Tranh chấp đòi lại đất bị
lấn chiếm và yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tấn Đạo.

Bà Lý Thị Sầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2016/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967, địa chỉ: U7, đường M, khóm x, phường y, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần X, sinh năm 1961, địa chỉ: Số 515 đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Sóc C, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 515 đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 4/11/2016 - có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Sóc C (là người đại diện cho bị đơn trong vụ án).

2. Ông Trần T, sinh năm 1992 (có mặt).

3. Bà Trần Thu T2, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 515 đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh S. Địa chỉ: Số 01 đường C, Phường x, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh S, theo Giấy ủy quyền số 1998/UBND-NC ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh S (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Triệu Công D, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L trước đây công tác tại Đội cảnh sát đường thủy – Công an tỉnh S. Năm 1997, do Ông L không có đất ở nên làm đơn xin đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp diện tích 150m², tọa lạc tại đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S, đất có nguồn gốc nhà nước quản lý. Đến ngày 15/12/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, số thửa 997, tờ bản đồ số 02, diện tích 150m² (bản đồ đo đạc mới thuộc thửa 170, tờ bản đồ số 20). Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên sau khi được cấp đất gia đình ông L chưa có khả năng để xây dựng nhà ở. Đến năm 2001, do điều kiện gia đình nên ông L đã chuyển công tác đến Công an tỉnh B cho đến nay.

Năm 2006, do mở rộng đường T thì đất bị thu hồi một phần để mở đường. Tuy nhiên, khi ông L đến nhận tiền giải phóng mặt bằng thì phía gia đình ông Trần X đứng ra ngăn cản và tranh chấp số tiền này. Đến nay, ông L vẫn chưa được nhận tiền giải phóng mặt bằng đã nêu trên, vụ việc đã qua nhiều năm chưa được giải quyết dứt điểm và không rõ số tiền này hiện giờ đang ở đâu.

Hiện nay, gia đình ông Trần X có hành vi bao chiếm phần đất của ông L để sử dụng, cất nhà ở và ngăn cản gia đình ông L vào sử dụng phần đất này. Ông L có thỏa thuận với gia đình ông Trần X về số tiền giải phóng mặt bằng và yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất nhưng phía gia đình ông Trần X không đồng ý.

Năm 2013, ông Trần X tiếp tục lấn chiếm phần đất của gia đình ông L và 02 hộ cán bộ được cấp đất cùng thời điểm với ông L nên ông L và 02 hộ cán bộ này đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường y, thành phố S yêu cầu hòa giải. Đến ngày 01/9/2016, Ủy ban nhân dân phường y có mời Ông L cùng 02 hộ cán bộ và ông Trần X đến hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần X trả lại cho ông L phần đất có diện tích 150m², khu đất thuộc thửa số 997, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại đường Lương Định Của (nay là đường T), khóm x, phường y, thị xã S (nay thành phố S), tỉnh S. Phần đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông Nam giáp lộ giới đường Lương Định Của, có số đo 5m.
- + Phía Tây Bắc giáp thửa 724, có số đo 5m.

- + Phía Đông Bắc giáp thửa 998, có số đo 30m.
- + Phía Tây Nam giáp thửa số 996, có số đo 30m.

Theo đơn phản tố ngày 27/10/2016 của bị đơn ông Trần X và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần X và người đại diện theo ủy quyền của ông X là bà Trần Thị Sóc C đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguồn gốc phần đất thuộc thửa số 997, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 170, tờ bản đồ số 20) tọa lạc tại đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S là của cha ông X là ông Trần X1 (chết năm 2001) và mẹ ông X là bà Thạch Thị X2 sử dụng từ năm 1946, đến năm 1978 thì cha mẹ ông X cho hai vợ chồng ông X sử dụng, khi cho chỉ nói bằng lời nói chứ không có làm giấy tờ gì, thời điểm này phần đất nêu trên và những người có đất ở xung quanh không có ai có giấy tờ gì.

Sau khi được cha mẹ cho đất thì vợ chồng ông X đã xây dựng nhà ở, xây hàng rào, trồng cây lâu năm như dừa, mít, chuối và cải tạo đất trồng các loại hoa màu cũng như chăn nuôi từ đó đến nay với diện tích khoảng 825m² (ngang trước khoảng 40m, ngang sau khoảng 20m, dài hơn 40m). Vợ chồng ông X đã sử dụng liên tục, công khai, ngay tình từ đó đến nay không ai tranh chấp. Chính quyền địa phương cũng chưa từng xử phạt hành chính về việc sử dụng phần đất này vì phần đất là của gia đình ông X sử dụng hợp pháp.

Năm 2006, do mở rộng đường T thì Nhà nước có chính sách đền bù, khi đến nhận tiền đền bù thì ông X phát hiện phần đất của ông X đã được UBND tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L với diện tích 150m², thuộc thửa số 997, tờ bản đồ số 02 (bản đồ đo đạc mới thuộc thửa 170, tờ bản đồ số 20), cấp ngày 15/12/1997. Từ đó các bên đã phát sinh tranh chấp, hiện nay chưa ai được nhận tiền đền bù. Khi UBND tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L thì gia đình ông X đang ở trên phần đất này, đã xây dựng nhà ở, trồng cây lâu năm, xây dựng hàng rào và chăn nuôi nhưng UBND tỉnh S không xác minh, đo đạc thực tế là không đúng theo trình tự, thủ tục quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, ông Trần X không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 0020/QSDĐ do UBND tỉnh S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L ngày 15/12/1997.

Theo Văn bản số 85/UBND-NC ngày 16/01/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh S bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 150m², thuộc thửa số 997, tờ bản đồ số 02, loại đất ở, tọa lạc tại đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S trước đây là đất nghĩa trang của quân đội chế độ cũ, sau năm 1975 do Nhà nước quản lý và quy hoạch đất thổ cư. Ngày 10/10/1997, UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 751/QĐ.HC về việc cấp đất thổ cư cho ông Nguyễn Văn L (cấp đất có thu tiền sử dụng đất). Đến ngày 15/12/1997, ông Nguyễn Văn L được UBND tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, cho thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn L được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do đó, UBND tỉnh S không đồng ý với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của cha mẹ ông Là ông Trần X và bà Trần Thị Sóc C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thu T2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của cha mẹ bà là ông Trần X và bà Trần Thị Sóc C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L không rút đơn khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần X không rút yêu cầu đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân, cũng như thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh S cấp cho hộ nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích 150m² (theo đo đạc thực tế là 157,6m²), thuộc thửa số 997, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 170, tờ bản đồ số 20), loại đất ở, tọa lạc tại đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S; là một phần trong tổng diện tích 972,5m² hiện do gia đình ông Trần X đang quản lý sử dụng.

[2] Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày thì phần đất tranh chấp trước đây là đất nghĩa trang của quân đội chế độ cũ, sau năm 1975 do Nhà nước quản lý. Năm 1997, Ông L có công tác tại Công an nhân dân tỉnh S được hưởng chế độ nên vào ngày 10/10/1997 Chủ tịch UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 751/QĐ.HC.97 cấp cho ông diện tích đất 150m² như đã nêu và đến ngày 15/12/1997 thì hộ Ông L được UBND tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645843 (số vào sổ 0020).

[3] Theo bị đơn ông Trần X và người đại diện hợp pháp của ông X đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Sóc C thì nguồn gốc đất tranh chấp nêu trên là của ông nội ông Trần X cho cha mẹ ông X là ông Trần X1 và bà Thạch Thị X2 sử dụng từ năm 1946. Đến năm 1978, cha mẹ của ông X cho vợ chồng ông X - bà C sử dụng khoảng 825m² (ngang trước khoảng 40m, ngang sau khoảng 20m, dài hơn 40m). Từ khi được cha mẹ cho đất thì vợ

chồng ông, bà đã xây dựng nhà ở, trồng tre để làm hàng rào, xây chuồng bò, trồng cây lâu năm, cây hoa màu và sử dụng đất liên tục, công khai, ngay tình từ đó đến nay không ai tranh chấp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L, ông Trần X và bà Trần Thị Sóc C đều thừa nhận đến khi Nhà nước thực hiện dự án mở rộng và nâng cấp Quốc lộ 60 (đường T) vào năm 2009 thì có ảnh hưởng một phần diện tích đất thuộc thửa số 997 như đã nêu, nên các bên mới phát sinh tranh chấp tiền đền bù giải tỏa mặt bằng. Hiện nay, số tiền đền bù này chưa được giải quyết cho ai nhận vì còn đang tranh chấp và đã được Ban quản lý dự án Quốc lộ 60 gửi vào Ngân hàng cho đến khi giải quyết tranh chấp xong.

[5] Theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/08/2017 (BL.147) và Sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S (BL.151) thì phần đất tranh chấp có diện tích thực tế sử dụng là 157,6m², trong đó diện tích một phần nhà của gia đình ông X là 61,9m², diện tích đất trống là 26,7m², diện tích chuồng bò của gia đình ông X là 35,3m²; đất có số đo và vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đường T, có số đo 5m;

Hướng Tây giáp đất của bà Tr, có số đo 5m;

Hướng Nam giáp đất của ông Trần X có số đo 32,23m;

Hướng Bắc giáp đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Hoàng Th và ông Trần X có số đo 32,45m.

[6] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2017 (BL.237) ông Thạch U, sinh năm 1935, là người sống ở gần nhà ông X từ năm 1954 trình bày: Đất này là đất gốc của ông Trần K (C) là ông nội của ông Trần X khai phá trước khi ông về đây ở (1954). Sau đó để lại cho ông Trần S (X1) là cha ông X tiếp tục sử dụng, sau khi ông S chết thì ông X tiếp tục sử dụng cho đến nay. Đất này ngày xưa là đất công thổ, khi ông đến đây thì đã thấy ông K lên vườn và cất nhà ở rồi, mồ mả thì chỉ có một hàng ở phía sau và qua thời gian dài cũng đã bị lạng đi nhiều. Từ trước đến nay Nhà nước không có quản lý đất này kể cả chính quyền trước năm 1975 cũng không có quản lý. Ở đây có nghĩa trang quân đội chế độ cũ nằm cách nhà ông X về hướng Đ-N khoảng 600-700m, hiện Nhà nước cất trường học và có nhiều hộ dân ở và trên đó vẫn còn mồ mả.

[7] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2017 (BL.239) cũng như tại phiên tòa ông Kim Văn H, sinh năm 1952, là người sinh sống cùng xóm với ông Trần X từ nhỏ đến giờ trình bày: Khi ông được khoảng 10 tuổi (1962) thì ông thấy ông Trần S (X1) là cha ông Trần X cất nhà ở đây. Sau tiếp thu (1975), thì ông thấy ông X cất nhà ở cho đến nay. Từ trước đến nay Nhà nước không có quản lý đất này; sau này Nhà nước chỉ có quản lý một phần để làm vỉa hè đường T, còn phần đất bên trong thì ông S và ông X vẫn sử dụng, không thấy Nhà nước quản lý. Ở khóm 3, phường 5 có nghĩa trang quân đội chế độ cũ nằm cách nhà ông X về hướng Đ-N khoảng 500m, hiện Nhà nước đã giải tỏa cất trường học và có nhiều hộ dân đến ở.

[8] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2017 (BL.241) cũng như tại phiên tòa ông Hứa Sâm L, sinh năm 1941, là người sinh sống cùng xóm với ông

Trần X từ nhỏ đến giờ trình bày: Từ nhỏ đến lớn ông đã thấy ông Trần K (C) là ông nội ông Trần X ở trên đất đó, lần lượt ông K để lại cho con là ông Trần S (X1), sau đó thì ông S chết thì con là ông Trần X tiếp tục ở và sử dụng cho đến nay. Nhà nước không có quản lý phần đất này, theo ông biết thì ở khóm 3, phường 5 có nghĩa trang quân đội chế độ cũ nằm phía bên nhà ông X theo đường T về hướng Đ-N khoảng 200m-300m. Hiện nay có nhiều hộ dân vào đây cất nhà ở, mồ mả vẫn còn một số và Nhà nước làm lộ một phần.

[9] Tại các biên bản lấy lời khai cùng ngày 06/12/2017 cũng như tại phiên tòa bà Kim Thị Th, sinh năm 1954 và bà Dương Thị Ma N, sinh năm 1949, là những người ở gần nhà ông X trình bày: Từ lúc còn nhỏ thì các bà đã thấy ông Trần S là cha ông X trồng rau, cấy nếp than trên phần đất này (hiện ông X đang cất nhà ở). Sau khi ông S chết thì ông Trần X tiếp tục sử dụng cho đến nay. Trước và sau năm 1975 thì các bà không thấy Nhà nước quản lý phần đất này, chỉ thấy ông S và ông X sử dụng liên tục đến nay; ở khóm 3, phường 5 có nghĩa trang quân đội chế độ cũ cách nhà ông Trần X không tới nửa cây số về hướng Đ-N, từ chỗ trụ sở Ban nhân dân khóm về phía Đ-N thêm một đoạn nữa. Phần đất nghĩa trang này hiện nay Nhà nước làm trụ sở Ban nhân dân Khóm x, Trạm y tế và trên đất còn mồ mả và nhiều hộ dân ở trên đó.

[10] Xét thấy, qua lời khai của ông Kim Văn H, ông Hứa Sâm L, ông Thạch U, bà Kim Thị Th và bà Dương Thị Ma N là những người sống lâu năm ở gần khu vực đất tranh chấp đều khẳng định phần đất này từ trước đến nay đều do gia đình ông Trần X quản lý, sử dụng. Phần diện tích đất này từ trước đến nay chính quyền chế độ cũ và Nhà nước ta hiện nay không có quản lý, đồng thời phần diện tích đất gia đình ông Trần X hiện đang sử dụng không nằm trong khu đất nghĩa trang quân đội của chế độ cũ trước đây, mà phần đất nghĩa trang này hiện Nhà nước xây dựng trường học, làm trụ sở Ban nhân dân Khóm x và Trạm y tế Phường y nằm cách nhà ông Trần X khoảng 200m-300m. Phần đất nghĩa trang còn lại hiện vẫn còn mồ mả và có nhiều hộ dân cất nhà ở trên đất. Như vậy, có cơ sở để xác định phần diện tích đất tranh chấp này không nằm trong khu vực đất nghĩa trang quân đội do chế độ cũ quản lý như lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho UBND tỉnh S và trên thực tế sau năm 1975 Nhà nước cũng không có quản lý phần đất này thời gian nào, mà đều do gia đình ông Trần X quản lý, sử dụng.

[11] Thấy rằng, gia đình ông Trần X đã quản lý, sử dụng phần diện tích đất này từ trước năm 1975 (khoảng năm 1946), sau khi ông nội và cha ông Trần X chết thì giao lại cho vợ chồng ông Trần X và bà Trần Thị Sóc C tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến năm 2009 thì phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn Văn L về vấn đề nhận tiền bồi thường thực hiện dự án mở rộng và nâng cấp Quốc lộ 60.

[12] Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn L cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh S cho rằng: Phần đất tranh chấp trước đây là đất nghĩa trang của quân đội chế độ cũ, sau năm 1975 do Nhà nước quản lý và quy hoạch đất thổ cư; ngày 10/10/1997, UBND tỉnh S ban hành Quyết định cấp đất thổ cư cho Ông L. Tại Tòa, Ông L cũng như UBND tỉnh S không cung cấp

được tài liệu, chứng cứ thể hiện sự việc như đã nêu, kể cả hồ sơ thu hồi đất trước khi cấp đất cho Ông L.

Theo Điều 21 Luật đất đai năm 1993 quy định: “*Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó*”. Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 751/QĐ.HC.97 ngày 10/10/1997, về việc cấp đất thổ cư cho ông Nguyễn Văn L đối với diện tích đất 150m² tại thửa số 997, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm 3, phường 5, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh S, trong khi gia đình ông Trần X đã và đang sử dụng phần đất tranh chấp từ trước năm 1975 cho đến nay, mà không ra quyết định thu hồi đất là không đúng quy định tại Điều 21 Luật đất đai như đã nêu. Do đó, việc UBND tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645843 (số vào sổ 0020) ngày 15/12/1997 cho ông Nguyễn Văn L đối với diện tích đất 150m² như đã nêu là không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

[13] Từ những chứng cứ như đã phân tích ở các phần trên, HĐXX xét thấy:

[13.1] Việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu buộc ông Trần X trả lại phần đất diện tích 150m² (diện tích thực tế sử dụng là 157,6m²), thuộc thửa số 997, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm 3, phường 5, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh S là không có căn cứ chấp nhận.

[13.2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh S đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông Trần X về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645843 (số vào sổ 0020) ngày 15/12/1997, đề nghị này không có cơ sở chấp nhận.

[13.3] Bị đơn ông Trần X yêu cầu Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L như đã nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[13.4] Vị Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L; chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Trần X, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh S đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L là có căn cứ để chấp nhận.

[14] Về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn L không được chấp nhận nên ông phải chịu Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.550.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L đã nộp tạm ứng xong.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009. Bị đơn ông Trần X và UBND tỉnh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[16] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh S vắng mặt, nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đương sự như đã nêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 21 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 và khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bị đơn ông Trần X trả lại phần đất diện tích thực tế sử dụng là 157,6m², tại thửa số 997, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 170, tờ bản đồ số 20), tọa lạc tại đường T, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh S, đất có số đo và vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đường T, có số đo 5m;

Hướng Tây giáp đất của bà Tr, có số đo 5m;

Hướng Nam giáp đất của ông Trần X có số đo 32,23m;

Hướng Bắc giáp đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Hoàng Th và ông Trần X có số đo 32,45m.

2. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Trần X. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645843 (số vào sổ 0020) do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L ngày 15/12/1997 theo Quyết định số 751/QĐ.HC.97 ngày 10/10/1997, đối với phần đất thuộc thửa số 997, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 170, tờ bản đồ số 20), diện tích 150m², tọa lạc tại khóm x, phường y, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh S.

3. Về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn L phải chịu với số tiền là 1.550.000đ (một triệu, năm trăm, năm mươi ngàn đồng), Ông L đã nộp đủ số tiền nêu trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003212 ngày 05/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, như vậy Ông L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Bị đơn ông Trần X và Ủy ban nhân dân tỉnh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS Tp.Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Ngọt